

Số: 06/2015/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 16 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Phối hợp trong quản lý nhà nước đối với vật tư nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Văn bản hợp nhất 05/VBHN-BNNPTNT ngày 14/2/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Phối hợp trong quản lý nhà nước đối với vật tư nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ds*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Công Báo tỉnh;
- Lưu VT, VP3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đình Quốc Trị

QUY CHẾ

Phối hợp trong quản lý vật tư nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình
*(Ban hành kèm theo quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2015
của UBND tỉnh Ninh Bình)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, nhiệm vụ và mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chức năng trong công tác quản lý nhà nước đối với VTNN trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong quản lý vật tư nông, lâm, thủy sản (gọi tắt là vật tư nông nghiệp – viết tắt là VTNN) trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Hoạt động phối hợp phải đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước đối với lĩnh vực VTNN.

2. Bảo đảm phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các cơ quan, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác quản lý nhà nước đối với VTNN trên địa bàn tỉnh, tránh hình thức, chồng chéo, bỏ trống nhiệm vụ thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật về VTNN.

3. Phát huy tính chủ động và tinh thần trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị để công tác quản lý VTNN thuộc lĩnh vực được phân công đạt hiệu quả cao nhất.

4. Bảo đảm tính khách quan, toàn diện trong quá trình phối hợp, cùng phát hiện những điểm bất hợp lý, chưa phù hợp trong việc tổ chức thực hiện để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với nhiệm vụ, bảo đảm được yêu cầu chuyên môn, chất lượng và thời gian phối hợp.

5. Công tác quản lý nhà nước đối với VTNN của các cơ quan có liên quan được thực hiện thông qua cơ quan đầu mối là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

6. Cơ quan phối hợp khi nhận được yêu cầu phối hợp trong công tác quản lý nhà nước đối với VTNN của cơ quan chủ trì phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về lĩnh vực, chuyên môn quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Tuyên truyền phổ biến, giáo dục các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước đối với VTNN.
2. Lập kế hoạch triển khai công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về sản xuất, kinh doanh và chất lượng VTNN của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh và xử lý vi phạm.
3. Rà soát, thống kê, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật trong sản xuất, kinh doanh và chất lượng VTNN của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.
4. Quản lý nhà nước đối với chuyên môn, nghiệp vụ.
5. Thông tin, báo cáo.

Chương II TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ động phối hợp với các cơ quan truyền thông của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước VTNN trên địa bàn tỉnh.
2. Tham mưu và đề xuất giải pháp triển khai có hiệu quả công tác quản lý VTNN trên địa bàn tỉnh.
3. Xây dựng kế hoạch triển khai công tác kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh VTNN theo phân công, phân cấp. Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện thuộc phạm vi quản lý.
4. Tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác quản lý nhà nước VTNN; nâng cao nhận thức trách nhiệm cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh VTNN.
5. Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành có liên quan tổ chức các Đoàn kiểm tra liên ngành, kiểm tra định kỳ, đột xuất tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN.
6. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với VTNN tại các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.
7. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng, ban, đơn vị chuyên môn trực thuộc Sở đảm bảo rõ ràng, tránh chồng chéo và theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.
8. Tổ chức triển khai, theo dõi và tổng hợp báo cáo về công tác quản lý VTNN trên địa bàn tỉnh về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Điều 6. Sở Công thương

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm soát về giá, nhãn hiệu hàng hóa, nguồn gốc xuất xứ đối với các mặt hàng VTNN lưu thông trên thị trường.

2. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm pháp luật về chất lượng VTNN trong quá trình sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh thuộc lĩnh vực phân công quản lý.

Điều 7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị cần thiết cho các cơ quan chuyên ngành về quản lý nhà nước đối với VTNN nhằm giúp các đơn vị thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao.

2. Cung cấp thông tin về đăng ký của các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN cho cơ quan kiểm tra cấp tỉnh và phối hợp trong việc xử lý vi phạm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN khi có yêu cầu.

Điều 8. Sở Tài chính

Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên hàng năm cho hoạt động kiểm tra, kiểm soát, đánh giá phân loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và các hoạt động đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước VTNN.

Điều 9. Sở Khoa học và Công nghệ

1. Phối hợp với Sở Nông nghiệp & PTNT về công tác quản lý chất lượng hàng hóa vật tư nông nghiệp trong lĩnh vực quản lý được giao.

2. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, công bố tiêu chuẩn áp dụng cho sản phẩm hàng hóa, tiếp nhận bản công bố hợp chuẩn; hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện công bố hợp quy theo quy định của luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

3. Chủ trì kiểm tra định lượng hàng đóng gói sẵn đối với sản phẩm hàng hóa vật tư nông nghiệp lưu thông trên thị trường.

Điều 10. Công an tỉnh

Phối hợp với cơ quan liên quan tham gia kiểm tra, quản lý các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy định pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông, lâm, thủy sản.

Điều 11. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài phát thanh và truyền hình, báo Ninh Bình

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương, các cơ quan, đơn vị chức năng thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến quy định pháp luật về quản lý VTNN nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức, cá nhân có tham gia sản xuất, kinh doanh VTNN trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã, thành phố

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về quản lý VTNN trên địa bàn quản lý.

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, đánh giá phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN và cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện theo phân công, phân cấp. Thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng danh sách các cơ sở sản xuất, kinh doanh đủ điều kiện và chưa đủ điều kiện thuộc phạm vi quản lý nhà nước.

3. Chỉ đạo cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh phối hợp với cơ quan quản lý trong việc xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN có vi phạm, theo đề nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra.

4. Phối hợp với các cơ quan chuyên ngành tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp theo từng lĩnh vực.

5. Chủ động bố trí nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí cho hoạt động quản lý nhà nước, kiểm tra chất lượng VTNN trên địa bàn quản lý.

6. Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn quản lý chặt chẽ việc kinh doanh VTNN trên địa bàn quản lý, kiên quyết xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Các cơ quan, đơn vị chức năng báo cáo kế hoạch, kết quả các hoạt động tổ chức, triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với VTNN thuộc lĩnh vực được phân công quản lý về Sở Nông nghiệp và PTNT định kỳ 6 tháng một lần trước ngày 20/6 và 20/12 hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT định kỳ 6 tháng một lần, báo cáo kết quả thực hiện thống kê, kiểm tra, đánh giá phân loại và xử lý vi phạm của các cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN về Ủy ban nhân dân tỉnh, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh có những chỉ đạo kịp thời.

Điều 14. Tổ chức triển khai thực hiện

Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT; Thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và tổ chức cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Quốc Trị